

Số: 663/BC-CTK

Bắc Ninh, ngày 02 tháng 12 năm 2024

## BÁO CÁO

### Tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2024

#### I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

##### 1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Trong tháng, trên địa bàn tỉnh nông dân đã cơ bản hoàn thành thu hoạch lúa mùa, tiếp đó là việc giải phóng đất, người dân tiến hành làm đất lên luống kịp tiến độ gieo trồng cây vụ đông. Chăn nuôi gia súc, gia cầm hiện đang tập trung tăng cường tái đàn đối với những vật nuôi mang lại hiệu quả kinh tế cao, tập trung nguồn thực phẩm cho nhu cầu tiêu dùng trước, trong và sau Tết Nguyên đán. Thủy sản giữ ổn định diện tích ao đất, tăng số lượng về lồng bè, sản lượng tiếp tục tăng. Lâm nghiệp, do thời tiết hanh khô, các ngành chức năng tập trung công tác bảo vệ và PCCC và chăm sóc rừng trồng.

##### 1.1. Nông nghiệp

###### 1.1.1. Trồng trọt

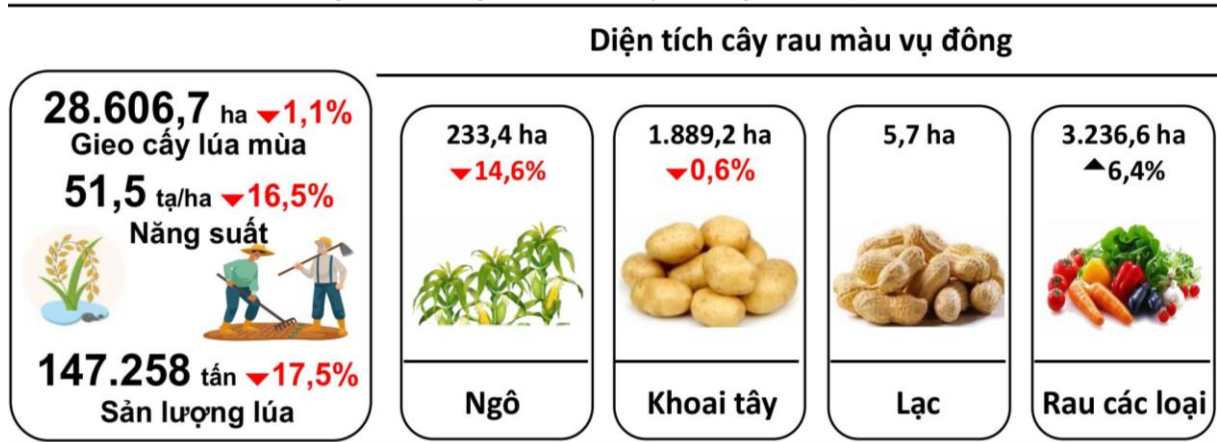
Tháng 11, thời tiết diễn biến ấm hơn trung bình nhiều năm, phần nào ảnh hưởng đến cây vụ đông. Để thực hiện tốt sản xuất cây vụ đông, hạn chế nhất ảnh hưởng của điều kiện bất thuận về thời tiết, đảm bảo thắng lợi, ngành nông nghiệp tập trung chỉ đạo, triển khai các nội dung như: Tập trung chỉ đạo nông dân chăm sóc các loại rau màu vụ đông, nhất là nhóm cây ưa lạnh. Với diện tích rau trên đất chuyên màu đã thu hoạch, ngành chức năng chỉ đạo nông dân khẩn trương vệ sinh đồng ruộng, làm đất và chuẩn bị hạt giống rau các loại đảm bảo chất lượng để tiếp tục gieo trồng ngay trên diện tích mới thu hoạch càng sớm càng tốt nhằm đảm bảo nguồn rau cung cấp cho thị trường, nhất là dịp trước, sau Tết Nguyên đán. Toàn tỉnh phân đấu gieo trồng 6.000 ha cây vụ đông. Trong đó: Ngô: 300 ha, năng suất ước đạt 53,5 tạ/ha, sản lượng ước đạt 1.603,8 tấn; Khoai tây: 1.900 ha, năng suất ước đạt 150 tạ/ha, sản lượng ước đạt 28.508,5 tấn; Rau các loại: 3.550 ha, năng suất ước đạt 290 tạ/ha, sản lượng ước đạt 102.956,7 tấn (cà rốt 1.450 ha; bí xanh, bí đỏ 300 ha; cà chua 120 ha; rau khác 1.680 ha); Cây trồng khác: 250 ha. Ngành Nông nghiệp đã chỉ đạo các địa phương đôn đốc người dân tập trung thu hoạch các loại cây trồng vụ mùa với phương châm thu hoạch đến đâu tranh thủ làm đất gieo trồng cây vụ đông đến đó, về tiến độ sản xuất cây trồng (tính đến 21/11) như sau:

+ Cây lúa mùa 2024: Toàn bộ diện tích gieo cấy 28.607 ha đã được thu hoạch xong với năng suất bình quân chung ước đạt 51,48 tạ/ha, với tổng sản lượng ước đạt 147,26 nghìn tấn (trong đó 1.194 ha lúa bị mất trắng do ảnh hưởng của bão số 3 và mưa lũ sau bão).

+ Cây rau màu vụ Đông 2024-2025: Theo kế hoạch sản xuất rau màu, toàn tỉnh phân đầu gieo trồng 6.000 ha. Đến nay đã gieo trồng được 5.625,6 ha, đạt 93,8% kế hoạch, bằng 102,6% so với CK. Trong đó: ngô 233,4 ha, đạt 77,8% kế hoạch và bằng 85,4% so với CK; Khoai tây: 1.877,9 ha, đạt 98,8%, bằng 99,4%; Hành, tỏi: 272,0 ha, bằng 97,2%; Lạc: 5,7 ha; Rau các loại: 3.216,6 ha đạt 90,6% kế hoạch và bằng 108,2%, trong đó cà rốt 1.451,0 ha; cà chua 81,6 ha; bí các loại 200,9 ha; rau khác 1.483,1 ha.

Trong tháng, để đảm bảo tiến độ và hiệu quả sản xuất nông nghiệp vụ đông, ngành chức năng đã triển khai giải pháp đảm bảo cung cấp đủ nước tưới dưỡng theo từng giai đoạn sinh trưởng của cây trồng. Chỉ đạo các đơn vị chức năng trong tỉnh thường xuyên kiểm tra thăm đồng, phát hiện sớm, phòng trừ kịp thời các đối tượng sinh vật hại trên cây trồng ngay từ đầu vụ.

**Hình 1: Diện tích gieo trồng một số cây hằng năm (Tính đến 21/11/2024)**



Công tác bảo vệ thực vật<sup>1</sup>: Cơ quan chức năng duy trì công tác kiểm tra đồng ruộng, đánh giá tình hình sinh vật gây hại trên lúa mùa và rau màu các loại. Tổng hợp diện tích nhiễm sinh vật gây hại trên rau màu là 77,5 ha. Diện tích phòng trừ là 96 ha.

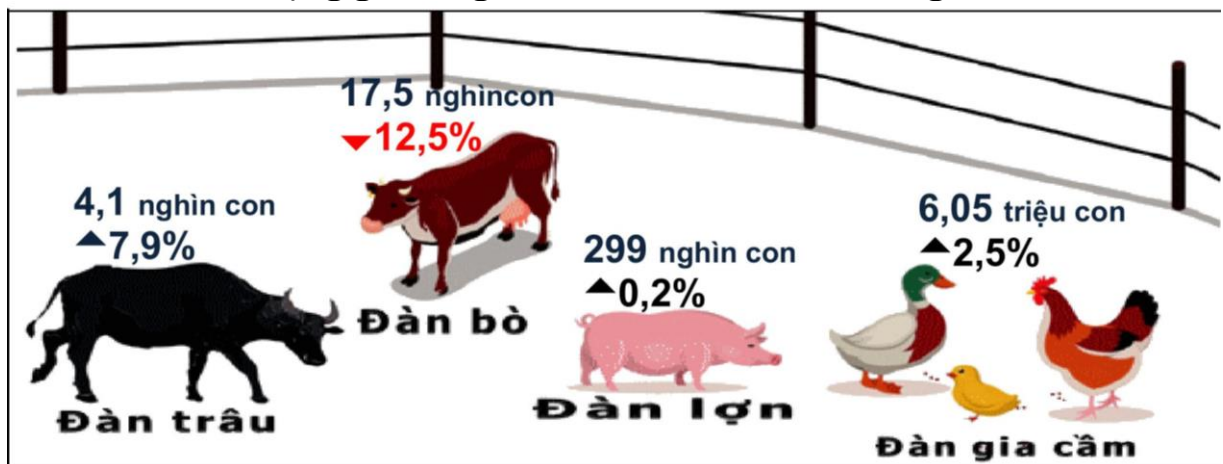
#### 1.1.2. Hoạt động chăn nuôi

Trong tháng, công tác phòng chống dịch bệnh trong chăn nuôi tiếp tục được chú trọng, đặc biệt vào cuối năm khi thời tiết lạnh có thể làm tăng nguy cơ bệnh tật. Các biện pháp phòng bệnh bao gồm: Khử trùng chuồng trại, tiêm vắc xin và bổ sung vitamin định kỳ cho đàn gia súc gia cầm. Cùng với đó, đã hướng dẫn triển khai, thực hiện mô hình “Sử dụng chế phẩm bổ sung men vi sinh (Probiotic) để nâng cao hiệu quả kinh tế trong phát triển nuôi gà Hồ thịt bền vững và bảo vệ môi trường” cho các hộ chăn nuôi tham gia mô hình tại thị xã

Quế Võ. Hiện nay, giá thịt hơi gia súc, gia cầm cơ bản giữ ổn định và có xu hướng tăng. Để có nguồn thực phẩm cung ứng trong dịp Tết Nguyên đán các cơ sở chăn nuôi trong tỉnh đang đẩy nhanh việc tái đàn, chuẩn bị tăng cường nguồn cung các sản phẩm chăn nuôi. Tỉnh đang khuyến khích các cơ sở chăn nuôi quy mô lớn đầu tư chăn nuôi lợn theo hướng an toàn sinh học, VietGap để nâng cao chất lượng thịt lợn thương phẩm và cạnh tranh trên thị trường. Đối với đàn gia cầm của tỉnh tăng nhẹ về số lượng so với CK. Đàn trâu vẫn duy trì đầu con tăng khá so với CK. Đàn bò có xu hướng giảm ngay từ những tháng đầu năm và hiện tiếp tục giảm nhiều do giá bán đang ở mức thấp, số đầu con đang thu hẹp dần do hiệu quả kinh tế của các cơ sở chăn nuôi thấp.

Ước đến thời điểm cuối tháng 11, so với cùng thời điểm năm trước: Các chỉ số về đầu con đối với các vật nuôi đàn trâu duy trì quy mô số đầu con tăng cao nhất so với cùng thời điểm năm trước, đàn lợn và đàn gia cầm tăng nhẹ, riêng đàn bò giảm nhiều.

**Hình 02: Số lượng gia súc gia cầm (thời điểm cuối tháng 11 so với CK)**



Lũy kế 11 tháng, sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm xuất chuồng ước đạt 77.965,9 tấn, tăng nhẹ 3,5% so với CK; riêng tháng 11, ước đạt 8.885,5 tấn, tăng 20,7% so với CK.

**Biểu 01. Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu**

	Thực hiện 11 tháng năm 2023	Ước tính 11 tháng năm 2024	Tốc độ tăng của 11 tháng năm 2024 so với CK (%)
<b>Sản lượng thịt hơi xuất chuồng (Tấn)</b>	<b>75.337,1</b>	<b>77.965,9</b>	<b>3,49</b>
Thịt lợn	51.510,2	53.840,0	4,52
Thịt gia cầm	21.363,0	21.375,0	0,06
Thịt trâu	286,6	368,0	28,40
Thịt bò	2.177,3	2.382,9	9,44
<b>Sản lượng sản phẩm chăn nuôi khác</b>			
Trứng (Triệu quả)	248,23	250,70	0,99
Sữa (Nghìn tấn)	1,14	0,94	-17,54

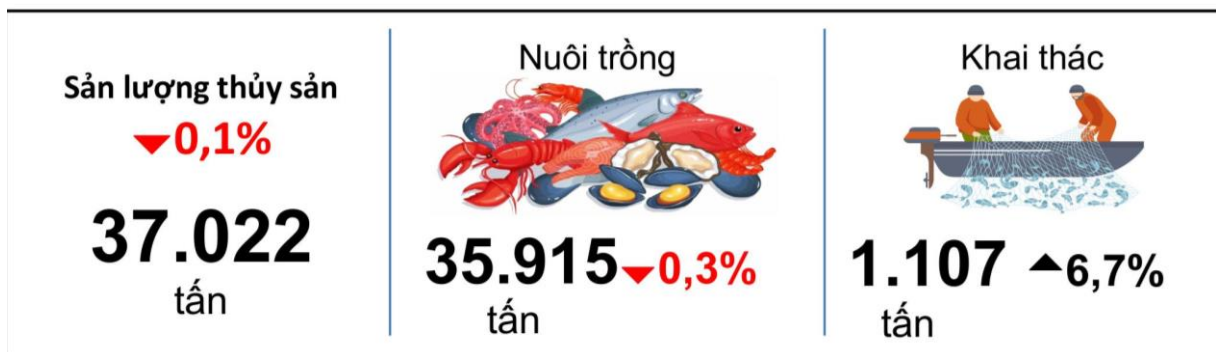
## 1.2. Thủy sản

Tháng 11, thời tiết mát mẻ thuận lợi cho sinh trưởng và phát triển của các đối tượng cá nuôi. Theo báo cáo của ngành nông nghiệp nuôi trồng thủy sản trong ao đất có 72 vùng nuôi trồng thủy sản (viết tắt là: NTTS) tập trung với diện tích 1.305,9 ha (mỗi vùng có diện tích từ 10 ha trở lên), chiếm 22% diện tích mặt nước NTTS. Diện tích NTTS tập trung ở các địa phương như huyện Lương Tài, huyện Gia Bình, thị xã Quế Võ,... Đối với nuôi cá lồng trên sông có 157 hộ nuôi cá lồng ở 29 thôn thuộc 21 xã của 6/8 huyện. Năng suất trung bình cho 1 lồng 108m<sup>3</sup> (6m x 3m x 6m) hiện nay đạt 4,5-5 tấn/lồng/lứa nuôi.

Đến nay, toàn tỉnh đã có 44 cơ sở, hộ nuôi thủy sản được cấp sản xuất đạt chứng nhận VietGAP với diện tích 8,5 ha (trong đó: 42 cơ sở, hộ nuôi ao đất, năng suất bình quân đạt 10-12 tấn/ha/năm; 02 cơ sở, hộ nuôi lồng trên sông, năng suất bình quân đạt 4,5-5 tấn/lồng); 01 cơ sở nuôi cá lồng được cấp ATVSTP. Chính những điều kiện đó đã góp phần đưa sản lượng thủy sản và giá trị của thủy sản hàng năm tăng lên.

Tính đến giữa tháng 11, diện tích NTTS là 4.623,4 ha, đạt 96,6% so với cùng kỳ năm 2023; Số lượng lồng nuôi cá trên sông là 2.700 lồng, tăng 71 lồng so với cùng kỳ. Tháng 11, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 4.321,1 tấn, tăng 14,7% so với cùng tháng năm trước (Trong đó: Sản lượng nuôi trồng cá trong ao đất ước thu hoạch đạt 4.183,4 tấn, sản lượng cá lồng, ước đạt 1.307,8 tấn; sản lượng thủy sản khai thác 103,7 tấn). Nguyên nhân, sản lượng thủy sản tăng cao do khắc phục sau bão bắt buộc một số diện tích nuôi trong ao đất và nuôi lồng phải thu hoạch. Tiếp đến sản lượng đánh bắt tăng do lượng thủy sản bị tràn ao và bung lồng phao nuôi đã được hộ đánh bắt khai thác thu hoạch.

**Hình 03: Sản lượng thủy sản 11 tháng năm 2024 so với CK**



## 1.3. Tình hình phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản<sup>1</sup>

- Tình hình dịch bệnh: Trong tháng, trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 ổ bệnh DTLCP tại 01 cơ sở chăn nuôi làm 230 con lợn thịt mắc bệnh, chết và tiêu hủy tổng trọng lượng 3.723 kg.

<sup>1</sup> Nguồn Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Công tác phòng, chống dịch:

+ Giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh, hướng dẫn người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản thực hiện các biện pháp phòng dịch, chủ động khai báo với chính quyền địa phương và cơ quan Thú y khi có gia súc, gia cầm, thủy sản có biểu hiện mắc bệnh, nghi mắc bệnh, chết không rõ nguyên nhân. Khuyến cáo người chăn nuôi áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học.

+ Tiếp tục triển khai tiêm phòng đại trà cho đàn gia súc, gia cầm vụ Thu - Đông năm 2024. Kết quả, trong tháng toàn tỉnh tiêm được 23.661 liều vắc xin cho đàn trâu; 703.855 liều vắc xin các loại cho đàn lợn; 8.589.430 liều vắc xin các loại cho đàn gia cầm; 86.414 liều vắc xin Đại cho đàn chó, mèo; 838 liều vắc xin LMLM cho đàn Dê.

+ Công tác vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường: Toàn tỉnh sử dụng 21.008 lít hóa chất và 483 tấn vôi bột để khử trùng, tiêu độc chuồng trại chăn nuôi, cơ sở ấp nở, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, nơi công cộng, đường làng, ngõ xóm, khu phố, nơi có ổ dịch và nơi có nguy cơ lây nhiễm cao...

+ Thực hiện nghiêm công tác kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.

#### **1.4. Lâm nghiệp**

*Trong tháng*, do thời tiết khô hanh nên công tác phòng ngừa nguy cơ cháy rừng được quan tâm hơn. Đảm bảo lực lượng trực 24/24 giờ vào các đợt hanh khô, các ngày nghỉ; Tăng cường kiểm tra, đấu tranh, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, xâm hại tới rừng, mua bán, vận chuyển, kinh doanh, chế biến lâm sản trái phép theo đúng quy định của pháp luật.

*Một số kết quả hoạt động lâm nghiệp chủ yếu:*

- Trồng và chăm sóc rừng: Với tổng diện tích rừng hiện có tính đến thời điểm này là 556,65 ha và để thực hiện kế hoạch sản xuất lâm nghiệp năm 2024, ngành lâm nghiệp của tỉnh đã xây dựng kế hoạch với mục tiêu rừng được giao khoán bảo vệ 497,13 ha; trồng cây 301,59 nghìn cây phân tán. *Ước tính tháng 11*, toàn tỉnh trồng mới được 25,2 nghìn cây phân tán các loại, giảm 3,45% so với CK.

- Khai thác gỗ và lâm sản: *Tháng 11*, tổng số gỗ khai thác ước đạt 415 m<sup>3</sup>, tăng 31,04% so với CK; củi khai thác ước đạt 520 ste, tăng 47,52%. Sản lượng gỗ, củi tăng do trong tháng tiếp tục thu hoạch tận dụng những cây phân tán bị ảnh hưởng của bão số 3. Bên cạnh đó cũng khai thác từ cây phân tán đến tuổi thu hoạch nằm trên các trục đường giao thông, trong vườn tạp của các hộ gia đình, bờ

mương và một số tuyến đường cần giải phóng mặt bằng để nâng cấp, mở rộng. Sản phẩm gỗ, củi khai thác ở rừng trồng là không đáng kể vì là rừng phòng hộ.

## 2. Sản xuất công nghiệp

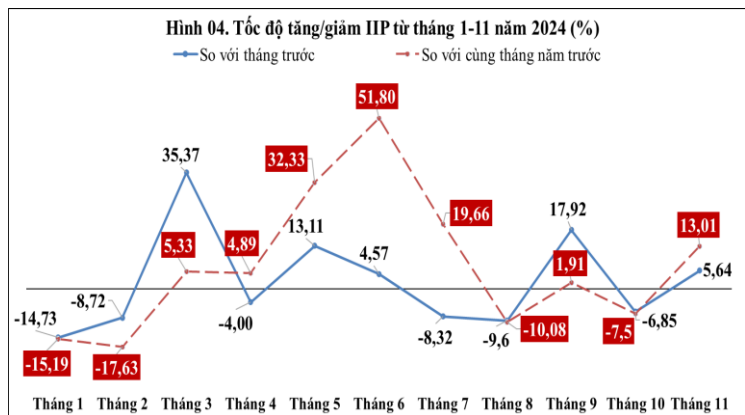
Tháng 11, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng trở lại ở cả 2 gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước, nguyên nhân do ngành công nghiệp trọng điểm của tỉnh Ngành 26 tăng. Tính chung 11 tháng, IIP tăng 5,87% (cải thiện hơn 10 tháng chỉ tăng 5,28%), do tháng 11 tăng cao so với CK. Cho thấy, việc bám sát tình hình sản xuất kinh doanh và nắm bắt những khó khăn của doanh nghiệp, kịp thời đưa ra các giải pháp Chỉ đạo điều hành của chính quyền tỉnh đã tháo gỡ được vướng mắc và thúc đẩy phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh.

### 2.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp

Tháng 11, sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh có sự chuyển biến, đáng chú ý là chỉ số IIP ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (Viết gọn là: Ngành 26) tăng trở lại. Cụ thể, phân tích diễn biến chỉ số IIP toàn ngành và chi tiết ở các ngành công nghiệp cấp 1, cấp 2 so với các gốc so sánh như sau:

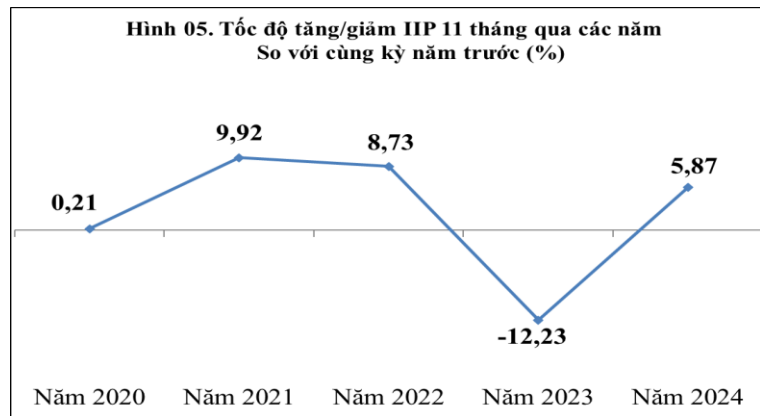
- So với tháng trước, IIP toàn ngành công nghiệp tăng 5,64%, trong đó: Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,68%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí, tăng 0,93% và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,72%. Nguyên nhân, các doanh nghiệp công nghiệp trọng điểm của tỉnh trong tháng đều đồng loạt tăng về khối lượng đơn hàng, do nhu cầu thị trường xuất khẩu tăng lên. Xét theo ngành công nghiệp cấp 2, có 11/24 ngành có chỉ số sản xuất tăng, các ngành tăng nhiều như: Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (+10,66%); Sản xuất thiết bị điện (+5,99%); đáng chú ý là Ngành 26 (+6,79%). Ở chiều ngược lại, có 13 ngành cấp 2 có chỉ số giảm xuống, các ngành có chỉ số giảm nhiều đó là: Sản xuất đồ uống (-7,76%); Sản xuất kim loại (-6,95%); Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (-6,77%).

- So với cùng tháng năm trước: Chỉ số IIP toàn ngành công nghiệp tăng khá cao 13,01%, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, tăng 13,01%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải, tăng 6,6% và



ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng cao nhất với 25,31%. Xét theo ngành công nghiệp cấp 2, có đến 17 ngành có chỉ số tăng, các ngành có chỉ số tăng cao là: Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu (+46,49%); Chế biến gỗ và SXSP từ gỗ, tre, nứa (+42,77%); HD thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải (+36,92%); Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất (+33,68%) và Ngành 26 (+13,48%). Ở chiều ngược lại, chỉ có 07 ngành có chỉ số sản xuất giảm, một số ngành có mức giảm nhiều như: Sản xuất giường, tủ, bàn ghế (-25,12%); Sản xuất thiết bị điện (-15,15%); Sản xuất đồ uống (-10,11%); Dệt (-9,61%).

*Tính chung 11 tháng,* IIP toàn ngành công nghiệp tăng 5,87% so với CK (do 11 tháng năm 2023 giảm nhiều 12,33%), trong đó: Ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 5,79%; ngành sản xuất và phân phối điện,



khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 11,52% và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải, tăng 24,61%. Xét theo ngành công nghiệp cấp 2, có tới 20 ngành có chỉ số IIP tăng, trong đó một số ngành có mức tăng cao là: In, sao chép bản ghi các loại (+58,71%); Chế biến gỗ và SXSP từ gỗ, tre, nứa (+32,3%); Sản xuất kim loại (+28,97%); Ngành 26 (+5,74%). Ở chiều ngược chỉ có 04 ngành có chỉ số IIP giảm, cụ thể là: Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (-2,63%); Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (-0,69%); Sản xuất thiết bị điện (-15,61%) và Sản xuất phương tiện vận tải khác (-11,73%).

**Biểu 02. Tốc độ tăng/giảm IIP 11 tháng các năm 2020-2024 so với CK của một số ngành công nghiệp trọng điểm**

	ĐVT: %				
	2020	2021	2022	2023	2024
SXSP điện tử, máy vi tính và SP quang học	0,86	10,66	9,85	-12,00	5,74
Sản xuất trang phục	-24,23	60,10	6,73	-24,64	10,88
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	7,03	10,84	4,48	-20,28	-2,63
Sản xuất kim loại	-6,63	4,57	-1,54	6,62	28,97
Sản xuất thiết bị điện	-12,42	6,81	-26,71	-27,47	-15,61
Sản xuất giường, tủ, bàn ghế	-30,49	-27,93	1,71	-10,91	14,18

## 2.2. Sản phẩm công nghiệp

Tháng 11, sản xuất công nghiệp tăng khá tích cực, sản phẩm công nghiệp trong tháng diễn biến tình hình như sau:

- So với tháng trước, có 15/23 sản phẩm chủ yếu tăng lên, trong đó có 03/06 sản phẩm trọng điểm của tỉnh đó là: Điện thoại thông minh (+18%); Linh kiện điện tử (+8,5%) và Pin điện thoại các loại (+7,8%). Ở chiều ngược lại, có 08 sản phẩm bị giảm xuống, trong đó có 03 sản phẩm trọng điểm của tỉnh đó là: Máy in (-6%); Điện thoại di động thường (-2,2%); Đồng hồ thông minh (-10%).

- So với cùng tháng năm trước, có 13 sản phẩm chủ yếu tăng lên, trong đó có 04 sản phẩm trọng điểm đó là: Máy in (+40,3%); Điện thoại thông minh (+58%); Linh kiện điện tử (+6,9%) và Pin điện thoại các loại (+34,8%). Ngược lại, có 10 sản phẩm giảm xuống, trong đó có 02 sản phẩm trọng điểm đó là: Điện thoại di động thường (-39,2%) và Đồng hồ thông minh (-2,8%).

### Biểu 03. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ lực trong tháng 11

	Đơn vị tính	Ước tính tháng 11 năm 2024	Tháng 11/2024 so với tháng 10/2024 (%)	Tháng 11/2024 so với tháng 11/2023 (%)
1. Máy in-copy	1000 cái	808	94,0	140,3
2. Điện thoại di động thường	1000 cái	2.250	97,8	60,8
3. Điện thoại thông minh	1000 cái	3.685	118,0	158,0
4. Đồng hồ thông minh	1000 cái	1.895	90,0	98,2
5. Linh kiện điện tử	Tỷ đồng	51.556	108,5	106,9
6. Pin điện thoại các loại	1000 viên	7.664	107,8	134,8

Tính chung 11 tháng, có 17 sản phẩm chủ yếu có mức tăng so với CK, trong đó có 05 sản phẩm trọng điểm đó là: Máy in (+25,3%); Điện thoại thông minh (+7,8%); Đồng hồ thông minh (+1,1%); Linh kiện điện tử (+3,9%); Pin điện thoại các loại (+5,8%). Ngược lại, có 06 sản phẩm giảm xuống, trong đó chỉ có 01 sản phẩm trọng điểm đó là: Điện thoại di động thường (-44,3%).

### Biểu 04. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp có chỉ số tăng cao trong 11 tháng năm 2024

	Đơn vị tính	Ước tính 11 tháng năm 2024	11 tháng năm 2024 so với 11 tháng năm 2023 (%)
1. Dược phẩm có chứa Vitamin	Kg	714.347	143,6
2. Sắt, thép dùng trong xây dựng	Tấn	902.610	190,6
3. Thuốc lá có đầu lọc	1000 bao	152.922	126,6
4. Thức ăn gia súc	Tấn	551.645	123,2
5. Máy in-copy	1000 cái	8.595	125,3
6. Điện thoại thông minh	1000 cái	32.838	107,8



### **2.3. Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp**

Tại thời điểm 01/11/2024, chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp công nghiệp giảm ở cả 2 góc so sánh cùng thời điểm tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (-0,11%) và (-10,44%). Cụ thể, xét theo loại hình doanh nghiệp và theo ngành công nghiệp cấp 1 như sau:

- Xét theo loại hình doanh nghiệp: Lao động làm việc trong khu vực doanh nghiệp Nhà nước, tăng ở cả 2 góc so sánh cùng thời điểm tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+0,16%), (+2,44%); doanh nghiệp ngoài Nhà nước (+0,5%), (-2,61%); riêng doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm ở cả 2 góc so sánh (-0,23%), (-11,92%).

- Xét theo ngành công nghiệp cấp 1: Lao động làm việc trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm ở cả 2 góc so sánh cùng thời điểm tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (-0,13%), (-10,66%); ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí, giữ nguyên và (+1,32%); ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (+0,58%), (+2,32%).

Tính chung 11 tháng, chỉ số sử dụng lao động của toàn ngành công nghiệp giảm 5,06% so với CK. Cụ thể, xét theo loại hình doanh nghiệp và theo ngành công nghiệp cấp 1 như sau:

- Xét theo loại hình doanh nghiệp: Các doanh nghiệp Nhà nước có quy mô lao động, tăng 1,66%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước, giảm 3,13% và doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm tỷ trọng lớn nhất, giảm 5,51% đã tác động trực tiếp làm giảm quy mô lao động chung của các doanh nghiệp công nghiệp.

- Xét theo ngành công nghiệp cấp 1: Lao động làm việc trong ngành phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí, tăng 0,89% so với CK; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,62%; riêng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, giảm 5,21%.

### **3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp<sup>2</sup>**

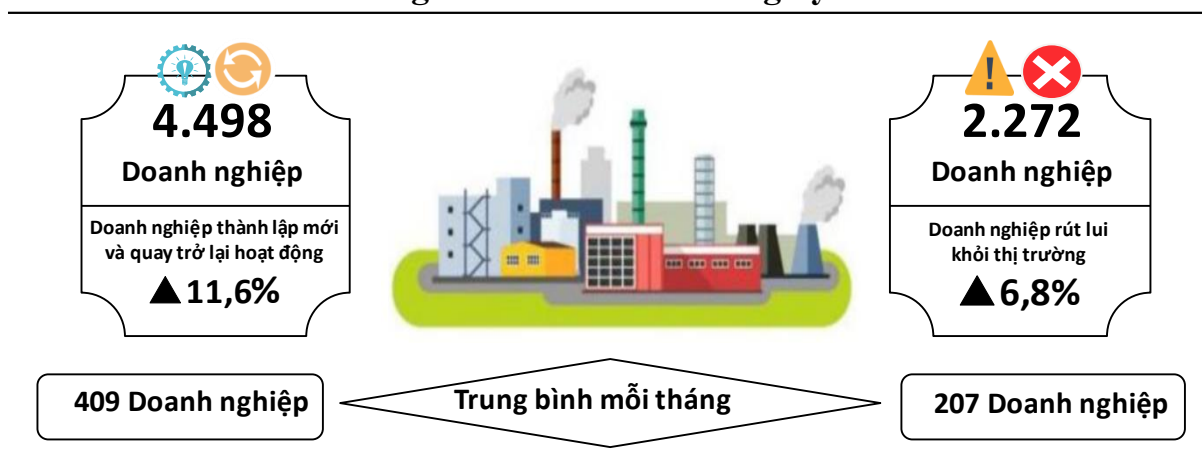
Tháng 11, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới so với cùng tháng năm trước giảm cả 3 tiêu chí: Số doanh nghiệp thành lập mới; Tổng vốn đăng ký; Vốn đăng ký bình quân trên 1 doanh nghiệp thành lập mới. Lũy kế 11 tháng, có 2 tiêu chí tăng đó là: Số doanh nghiệp thành lập mới; Tổng vốn đăng ký; riêng tiêu chí Vốn đăng ký bình quân trên 1 doanh nghiệp thành lập mới giảm nhẹ.

<sup>2</sup> Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Như vậy, quy mô doanh nghiệp thành lập mới có xu hướng nhỏ hơn so với CK, cho thấy dấu hiệu của phát triển còn chưa bền vững, cùng với đó số doanh nghiệp ngừng hoạt động và giải thể cũng đang ở mức cao (bằng 50,5% doanh nghiệp đăng ký mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động) sẽ tác động tiêu cực đến kinh tế của tỉnh trong trung và dài hạn.

Tháng 11, doanh nghiệp thành lập mới được 250 doanh nghiệp, giảm ở cả 2 gốc so sánh là tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (-18,6%), (-17,2%); về tổng vốn đăng ký bổ sung đạt 2.206 tỷ đồng (+49,9%), (-52,3%); cùng với đó vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp thành lập mới đạt 8,8 tỷ đồng (+84,1%), (-42,7%). Có 80 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động giảm (-24,5%), so với tháng trước và tăng (+9,6%) cùng tháng năm trước. Cũng trong tháng 11, có 119 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh (-8,5%), (-35,3%) và có 37 doanh nghiệp giải thể tự nguyện (+19,4%), (+54,2%).

**Hình 06. Tình hình đăng ký doanh nghiệp  
11 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước**



Tính chung 11 tháng, toàn tỉnh thành lập mới được 3.517 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký là 35.476 tỷ đồng, so với CK tăng 10,1% về số doanh nghiệp và tăng 9,8% về tổng vốn đăng ký; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 10,1 tỷ đồng, giảm 0,2%; số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 981 doanh nghiệp, tăng 17,3%. Cũng trong 11 tháng, có 407 doanh nghiệp giải thể tự nguyện, tăng cao 34,8% và có đến 1.865 doanh nghiệp tạm dừng hoạt động, tăng 2,1%. Như vậy, số lượng doanh nghiệp đăng ký mới và tái gia nhập thị trường là 4.498 doanh nghiệp, tăng 11,6%, bằng 198% số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường (doanh nghiệp rút lui là 2.272 doanh nghiệp), tăng 6,8%. Ngoài ra, có 332 doanh nghiệp chuyển đổi loại hình, bằng CK, nhằm thích nghi theo mô hình hoạt động phù hợp hơn.

**Biểu 05. Doanh nghiệp tham gia và rút lui khỏi thị trường  
11 tháng đầu năm 2024 phân theo loại hình doanh nghiệp**

	Tham gia		Rút lui	
	Doanh nghiệp	So với cùng kỳ (%)	Doanh nghiệp	So với cùng kỳ (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>4.498</b>	<b>111,6</b>	<b>2.272</b>	<b>106,8</b>
Công ty TNHH 1 thành viên	3.447	113,9	1.547	103,3
Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	662	102,5	463	116,0
Công ty Cổ phần	375	106,8	242	112,6
Doanh nghiệp Tư nhân	14	233,3	20	117,6
Công ty Hợp danh	-	-	-	-

Lũy kế đến 18/11, trên địa bàn tỉnh có 24.710 doanh nghiệp đã đăng ký, tăng 11,7% so với cùng thời điểm năm trước, với tổng số vốn điều lệ đăng ký là 425.047 tỷ đồng, tăng 9,3% và 6.557 đơn vị trực thuộc, tăng 19,9%.

#### **4. Đầu tư**

Tháng 11, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý mặc dù tăng so với tháng trước nhưng vẫn bị giảm khá nhiều so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 11 tháng, tiếp tục giảm xuống chỉ còn tăng 1,7% (trong khi 10 tháng tăng 4,1%), đáng chú ý là tỷ lệ giải ngân đạt rất thấp 56,7% kế hoạch vốn năm 2024. Như vậy, tỉnh cần đưa ra các giải pháp nhằm thúc đẩy vốn đầu tư công trong tháng còn lại. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) từ đầu năm đến nay duy trì đà tăng số dự án và tăng mạnh về vốn đăng ký đầu tư.

##### **4.1. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý (viết tắt là: VĐT)**

Tháng 11, ước tính VĐT đạt 557 tỷ đồng, so với tháng trước, tăng 7,1% nhưng lại giảm nhiều -16,6% so với cùng tháng năm trước. Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 396 tỷ đồng, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+7,1%), (-20,6%); vốn ngân sách cấp huyện đạt 88 tỷ đồng (+4,2%), (+6,7%); vốn ngân sách cấp xã đạt 73 tỷ đồng (+10,7%), (-15,6%).

Lũy kế 11 tháng, ước tính VĐT đạt 4.933 tỷ đồng, tăng 1,7% so với CK; tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của ngân sách địa phương đạt thấp 56,7% kế hoạch vốn năm 2024. Tình hình theo cấp quản lý:

- Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh, ước thực hiện đạt 3.010 tỷ đồng, bằng 64,3% kế hoạch năm, giảm 1,6% so với CK, trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh đạt 1.871 tỷ đồng, bằng 59,2%, tăng 19,1%; vốn TW hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 1.139 tỷ đồng, bằng 75,9%, giảm 23,5%. Một số công trình trọng điểm

của tỉnh như: Dự án đầu tư mở rộng Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Bắc Ninh; Dự án mở rộng trung tâm y tế huyện Thuận Thành, Hệ thống xử lý rác thải đô thị Thứa, huyện Lương Tài; Đầu tư các tuyến đường tỉnh ĐT.295C, ĐT.285B kết nối thành phố Bắc Ninh qua các khu công nghiệp với QL.3 mới; Dự án mở rộng Trung tâm y tế huyện Yên Phong...

- Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện, ước thực hiện đạt 1.099 tỷ đồng, bằng 52% kế hoạch năm, tăng 30,2% so với CK, trong đó: Vốn cân đối ngân sách huyện đạt 969 tỷ đồng, bằng 49,9%, tăng 31,8%; vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 130 tỷ đồng, bằng 77,1%, tăng 19,4%. Một số công trình trọng điểm của cấp huyện như: Trường Mầm non Quảng Phú; Xây dựng Trường THCS Võ Cường; Đầu tư xây dựng đường nội thị huyện Quế Võ; Trường THCS Đình Bảng; ...

- Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã, ước thực hiện đạt 824 tỷ đồng, bằng 43,4% kế hoạch năm, giảm 13% so với CK, trong đó: Vốn cân đối ngân sách xã đạt 773 tỷ đồng, bằng 42,7%, giảm 14,6%; vốn huyện hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 51 tỷ đồng bằng 56,7%, tăng 23,8%. Một số công trình trọng điểm của cấp xã như: Đường giao thông thôn Trung Lạc xã Yên Trung, Đường GTNT thôn Xuân Cai, xã Yên Trung; Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông khu Lãm Làng đoạn từ ngã tư Đàm Văn Lễ đến khu dân cư Bờ Soi; ...

## **4.2. Hoạt động thu hút đầu tư trong nước và trực tiếp nước ngoài<sup>3</sup>**

### **4.2.1. Thu hút đầu tư trong nước**

Tính từ đầu năm đến 20/11, toàn tỉnh đã cấp mới đăng ký đầu tư cho 49 dự án với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 13.597 tỷ đồng; cấp đăng ký đầu tư điều chỉnh cho 107 dự án đầu tư, trong đó có 37 dự án điều chỉnh vốn với tổng số vốn điều chỉnh tăng 1.887 tỷ đồng (trong đó: 30 dự án tăng vốn 2.859 tỷ đồng; 07 dự án giảm vốn 971,8 tỷ đồng). Riêng trong tháng 11, cấp mới đăng ký đầu tư cho 05 dự án với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 491,6 tỷ đồng; cấp điều chỉnh cho 12 dự án đầu tư, trong đó có 05 dự án điều chỉnh vốn đầu tư với tổng số vốn đầu tư tăng thêm là 494,4 tỷ đồng.

Lũy kế đến nay, cấp 1.600 dự án đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư sau điều chỉnh đạt 274.445 tỷ đồng.

### **4.2.1. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)**

Từ đầu năm đến nay, tỉnh Bắc Ninh đã và đang đẩy mạnh xúc tiến đầu tư nước ngoài. Cụ thể, về xúc tiến đầu tư tại chỗ, tỉnh đã chủ động gỡ gỡ và làm

<sup>3</sup> Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư

việc với các doanh nghiệp lớn đầu tư tại địa phương để thúc đẩy mở rộng quy mô sản xuất và kêu gọi doanh nghiệp vệ tinh, như: Tổ hợp Samsung Việt Nam, công ty TNHH Canon Việt Nam, các doanh nghiệp Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản tiêu biểu,... Ngoài ra, lãnh đạo tỉnh và các Sở, ngành chức năng đã tiếp nhận nhiều đoàn doanh nghiệp trong và ngoài nước đến tìm hiểu cơ hội, nhằm trao đổi hợp tác, xúc tiến đầu tư vào Bắc Ninh như: Tập đoàn Công nghệ CMC (Việt Nam), đoàn doanh nghiệp Cộng hòa Liên bang Đức, Công ty Kine SIC Semi (Mỹ), Cộng hòa Séc, Cộng hòa Hungary,...

Với môi trường đầu tư thông thoáng, cơ sở hạ tầng hiện đại, nguồn lao động tại chỗ và nhập cư lớn, Bắc Ninh đã và đang khẳng định được vị thế của mình là một điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư. Mười một tháng, thu hút đầu tư đạt kết quả vượt bậc, không chỉ gia tăng mạnh về số lượng dự án và số vốn đầu tư mà làn sóng đầu tư từ các nước lớn tại khu vực châu Á như: Nhật Bản, Hàn Quốc trong lĩnh vực công nghiệp phần mềm, chất bán dẫn càng khẳng định rõ nét những thay đổi đáng kể về chất trong thu hút vốn FDI vào Bắc Ninh.

#### **Biểu 06. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép**

	<b>Từ 21/12/2023 đến 20/11/2024 (Triệu USD)</b>	<b>So với cùng kỳ năm trước (%)</b>
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>4.741,5</b>	<b>301,2</b>
Vốn đăng ký mới	1.803,7	170,7
Vốn điều chỉnh	2.972,0	501,3
Góp vốn, mua cổ phần	52,8	237,0
Thu hồi	87,0	89,1

*Tính từ đầu năm đến 20/11*, toàn tỉnh đã thu hút được 359 dự án FDI đăng ký cấp mới (tăng 10 dự án, tức tăng 2,9% so với CK, trong đó các nhà đầu tư chủ yếu đến từ Trung Quốc 223 dự án; Singapo 41 dự án; Hồng Kông 39 dự án); vốn đăng ký mới đạt 1.803,7 triệu USD (tăng 746,8 triệu USD, tức tăng 70,7%). Ngoài ra, điều chỉnh vốn cho 174 dự án (tăng 25 dự án, tức tăng 16,8%), với số vốn điều chỉnh tăng là 2.972 triệu USD (tăng 2.379,1 triệu USD, tức tăng 401,3%); góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp 33 lượt (giảm 28 lượt, tức giảm 45,9%) với giá trị là 52,8 triệu USD (tăng 30,5 triệu USD, tức tăng 137%); thu hồi 79 dự án (tăng 20 dự án, tức tăng 33,9%) với tổng vốn đầu tư là 87 triệu USD (giảm 10,7 triệu USD, tức giảm 10,9%). *Riêng trong tháng 11*, cấp mới đăng ký đầu tư cho 11 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 212,47 triệu USD (trong đó, có 4 dự án lớn bao gồm: 2 dự án của Đài Loan đầu tư vào ngành sản xuất thiết bị dụng cụ thể dục thể thao với số vốn lần lượt là 72 triệu USD và 28 triệu USD;

2 dự án của Singapo, trong đó 1 dự án đầu tư vào ngành kinh doanh bất động sản với số vốn đăng ký là 64,48 triệu USD và 1 dự án đầu tư vào ngành sản xuất các sản phẩm từ plastic với số vốn đăng ký là 30 triệu USD); điều chỉnh vốn cho 12 dự án với số vốn điều chỉnh tăng là 246,3 triệu USD; 01 lượt ra thông báo chấp thuận góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài tại tổ chức kinh tế với giá trị là 0,71 triệu USD; chấm dứt hoạt động 8 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 5,7 triệu USD.

Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 2.418 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư được cấp phép đạt 29.805 triệu USD.

## **5. Thương mại - dịch vụ; chỉ số giá tiêu dùng; xuất nhập khẩu**

Tháng 11, các ngành dịch vụ có chỉ số tăng tích cực so với tháng trước và cùng tháng năm trước. Tính chung 11 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng với tốc độ tăng 2 con số, ước tính tăng 11,5% (cải thiện so với 10 tháng với mức tăng 9,8%). Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa, tháng 10 tiếp tục giảm nhiều ở cả 2 góc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước, tháng 10 giảm đã kéo lũy kế 10 tháng xuất nhập khẩu chỉ còn tăng 1,9% trong đó, xuất khẩu giảm nhẹ 0,3%.

### **5.1. Lưu chuyển hàng hoá, dịch vụ**

Tháng 11, hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh vẫn được cung ứng dồi dào và duy trì ổn định, nhiều chương trình xúc tiến thương mại được tổ chức đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng ước đạt 9.449 tỷ đồng, tăng ở cả 2 góc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+4,7%) và tăng cao (+25,5%). Cụ thể, xét theo ngành hoạt động:

- Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 7.064 tỷ đồng, cụ thể so với các góc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước như sau:

+ So với tháng trước, tăng 5,2%, trong đó 100% các nhóm hàng hóa đều có chỉ số tăng, một số nhóm hàng có chỉ số tăng cao như: Xăng, dầu các loại (+11,6%); Phương tiện đi lại (kể cả phụ tùng) (+11,3%); Đá quý, kim loại quý (+10,8%); Ô tô các loại (+7,4%).

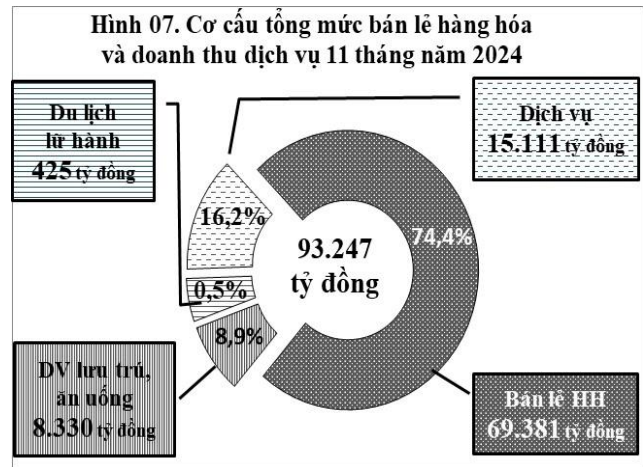
+ So với cùng tháng năm trước, tăng 24,3%, tương tự 100% các nhóm hàng hóa chỉ số đều tăng lên, một số nhóm hàng tăng cao như: Lương thực, thực phẩm (+33,7%); Gỗ và vật liệu xây dựng (+26,3%); Nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) (+26,4%); Phương tiện đi lại (+20,4%).

- Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 778 tỷ đồng, tăng ở cả 2 góc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+3,9%), (+5,9%).

- Doanh thu dịch vụ du lịch và lữ hành ước đạt 14 tỷ đồng, tăng khá cao 14,9% so với tháng trước nhưng lại giảm 9% so với cùng tháng năm trước.

- Doanh thu các ngành dịch vụ ước đạt 1.593 tỷ đồng, tăng ở cả 2 góc so sánh lần lượt là (+2,7%), (+45,8%).

Tính chung 11 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 93.247 tỷ đồng, tăng 11,5% so với CK, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 69.381 tỷ đồng, tăng 9,2%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 8.330 tỷ đồng, tăng 3,9%; doanh thu ngành dịch vụ ước đạt 15.111 tỷ đồng, tăng khá cao 26,9% và đặc biệt doanh thu dịch vụ lữ hành ước đạt 425 tỷ đồng, tăng 156,2%.



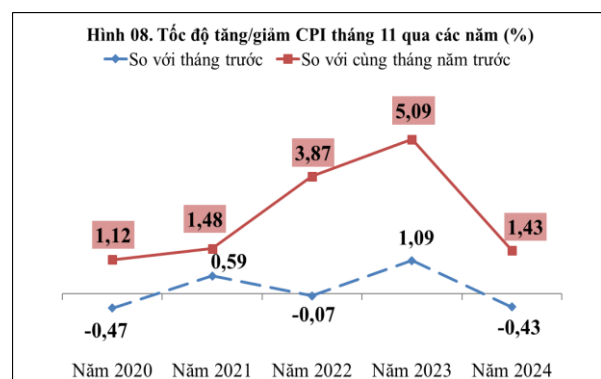
## 5.2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Tháng 11, nguồn cung hàng hóa trên địa bàn dồi dào và được kiểm soát tốt nên giá cả hàng hóa tiêu dùng trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định và giảm nhẹ so với tháng trước, so với cùng tháng năm trước và tháng 12/2023 tiếp tục có mức tăng thấp hơn so với các tháng trước đó kéo theo CPI bình quân 11 tháng giảm xuống, chỉ còn tăng 3,54% so với CK (9 tháng, tăng 3,84%; 10 tháng tăng 3,75%). Giá vàng và giá đô la Mỹ trong tháng vẫn có xu hướng tăng.

### 5.2.1 Chỉ số giá tiêu dùng

Tháng 11, CPI giảm nhẹ so với tháng trước nhưng vẫn tăng so với cùng tháng năm trước và tháng 12/2023, tình hình cụ thể:

- So với tháng trước, CPI giảm nhẹ 0,43%, phân tích cụ thể biến động ở các nhóm hàng hóa, dịch vụ như sau:



+ Có 04/11 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giảm là: (1) Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-1,66%) do giá thịt lợn trong tháng (-2,8%), ngoài ra do thời tiết thuận lợi, lượng cung dồi dào nên giá rau tươi, khô, chế biến trong tháng cũng giảm mạnh (-17,35%); (2) Đồ uống và thuốc lá (-0,14%) do giá thuốc hút các loại (-0,58%); (3) May mặc, giày dép và mũ nón (-0,08%) do giá các loại quần áo may sẵn và giá mũ nón (-0,32%); (4) Nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD (-

0,06%) do trong tháng thời tiết chuyển mát mẻ, nhu cầu sử dụng điện giảm nên giá điện sinh hoạt (-1,53%).

+ Ở chiều ngược lại, có 05 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số tăng đó là: (1) Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng nhẹ (+0,01%) do nhu cầu tăng khi thời tiết chuyển mùa cùng với nhu cầu lắp đặt thiết bị trong xây dựng tăng cao nên giá bình nước nóng nhà tắm (+1,65%); (2) Thuốc và dịch vụ y tế (+0,06%) chủ yếu do giá thuốc các loại (+0,32%); (3) Bưu chính viễn thông (+0,44%) do giá thiết bị điện thoại (+1,3%); (4) Văn hóa, giải trí và du lịch (+0,59%) do giá phí truyền hình và internet (+2,28%) và giá hoa, cây cảnh (+1,87%); (5) Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,3%) chủ yếu do những tháng cuối năm nhu cầu các dịch vụ cưới hỏi nhiều nên giá dịch vụ về hỉ (+2,98%).

+ Còn lại 02 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số ổn định là: Nhóm Giao thông và Giáo dục.

- So với cùng tháng năm trước, CPI tăng 1,43%, cụ thể ở các nhóm hàng hóa và dịch vụ như sau:

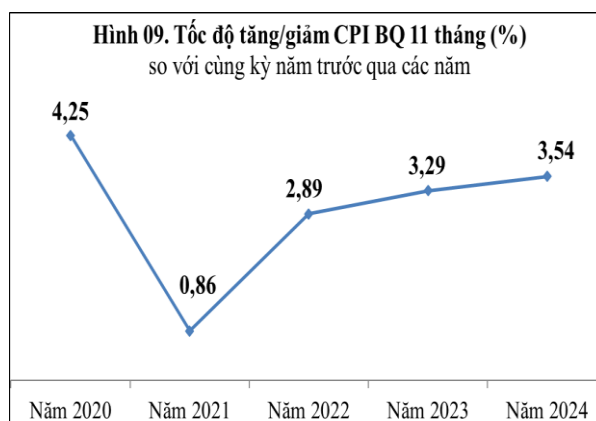
+ Có tới 08 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số tăng, trong đó tăng nhiều có các nhóm: (1) Văn hoá, giải trí và du lịch (+7,95%) do giá du lịch trọn gói (+22,58%), trong đó giá du lịch trong nước (+23,25%) kéo theo giá khách sạn, nhà khách (+6,53%), ngoài ra giá dịch vụ liên quan đến vật nuôi (+25,55%) tác động trực tiếp đến mức tăng chung của nhóm; (2) Hàng hóa và dịch vụ khác (+5,2%) do giá bảo hiểm y tế (+30%), giá dịch vụ hành chính, pháp lý (+27,55%) và giá đồ trang sức (+23,48%); (3) Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+4%) chủ yếu do giá lương thực (+5,99%), đặc biệt là mặt hàng gạo (+8,96%), giá thịt gia súc (+7,65%) trong đó có mặt hàng thịt lợn (+10,36%) và giá rau tươi, khô và chế biến (+9,61%).

+ Ở chiều ngược lại có 03 nhóm có chỉ số giá giảm là: (1) Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD (-0,46%) do giá điện sinh hoạt (-15,15%); (2) Giao thông (-3,24%) do giá nhóm nhiên liệu (-12,18%) trong đó mặt hàng xăng (-12,56%), dầu diesel (-12,67%); (3) Bưu chính viễn thông (-0,04%) do giá các loại điện thoại di động giảm.

- So với tháng 12/2023, CPI tăng 1,83% với 08 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, tăng nhiều có các nhóm như: Văn hóa, giải trí và du lịch (+8,04%); Hàng hóa và dịch vụ khác (+5,08%); Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+4,25%). Ngược lại có 03 nhóm có chỉ số giá giảm đó là: May mặc, giày dép và mũ nón (-0,14%); Giao thông (-1,58%) và Bưu chính viễn thông (-0,04%).



*Bình quân 11 tháng*, CPI tăng 3,54% so với CK, có đến 10 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, các nhóm hàng có mức tăng cao như: Thuốc và dịch vụ y tế (+19,32%); Văn hóa, giải trí và du lịch (+7,35%); Giáo dục (+7,15%); Hàng hóa khác (+5,05%); Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+4,25%). Chỉ có 01 nhóm hàng có chỉ số giá giảm là Bưu chính viễn thông (-0,04%).



### Biểu 07. Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và giá đô la Mỹ

ĐVT: %

	Tháng 11 so với tháng CK		Bình quân 11 tháng so với CK	
	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024
<b>Chỉ số giá tiêu dùng</b>	<b>105,09</b>	<b>101,43</b>	<b>103,29</b>	<b>103,54</b>
<i>Trong đó:</i> - Lương thực	118,06	105,99	106,29	115,30
- Thực phẩm	100,33	104,55	101,59	103,16
<b>Chỉ số giá vàng</b>	<b>111,79</b>	<b>145,77</b>	<b>104,59</b>	<b>132,44</b>
<b>Chỉ số giá đô la Mỹ</b>	<b>98,86</b>	<b>103,62</b>	<b>102,14</b>	<b>104,89</b>

#### 5.2.2. Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

*Tháng 11*, giá vàng trong nước cũng như trên địa bàn tỉnh biến động tăng, giảm liên tục theo giá vàng thế giới sau cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ. Giá vàng bình quân trong tháng bán ra ở mức 8.555.000đ/chỉ, tăng 3% so với tháng trước, tăng 45,77% so với cùng tháng năm trước và tăng 39,47% so với tháng 12/2023. *Bình quân 11 tháng*, giá vàng tăng nhiều (+32,44%) so với CK.

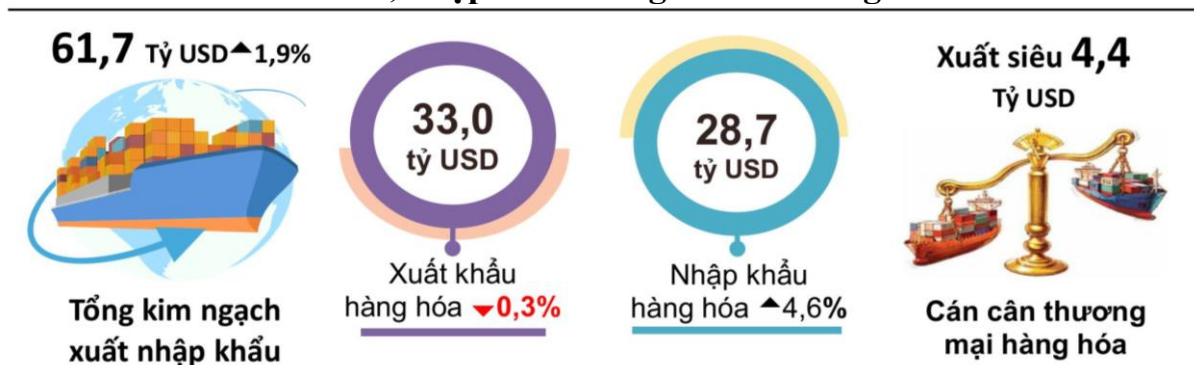
Trong tháng, đồng đô la Mỹ cũng phục hồi và tăng giá. Giá bán đô la Mỹ trong tháng bình quân ở mức 2.547.735VND/100 USD, tăng 1,98% so với tháng trước, tăng 3,62% so với cùng tháng năm trước và tăng 4,3% so với tháng 12/2023. *Bình quân 11 tháng*, giá đô la Mỹ tăng 4,89% so với CK.

#### 5.3. Xuất, nhập khẩu hàng hóa<sup>4</sup>

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa: *Tháng 10*, sơ bộ đạt 6,41 tỷ USD, giảm ở cả 2 góc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là: (-2,7%), (-14,1%). *Lũy kế 10 tháng*, đạt 61,7 tỷ USD, tăng 1,9% so với CK

<sup>4</sup> Nguồn: Website Tổng cục Hải Quan (Số liệu sơ bộ của tháng trước, không có ước tính của tháng báo cáo).

**Hình 10. Xuất, nhập khẩu hàng hóa 10 tháng năm 2024**



+ Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa: *Tháng 10*, sơ bộ đạt 3,5 tỷ USD, giảm nhiều ở cả 2 góc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước, lần lượt là (-1,6%), (-18,7%). *Lũy kế 10 tháng*, đạt 33 tỷ USD, giảm nhẹ 0,3% so với CK, đứng vị trí thứ 2 cả nước (sau TPHCM).

+ Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa: *Tháng 10*, đạt 2,95 tỷ USD giảm ở cả 2 góc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước, lần lượt là (-4,0%), (-7,9%). *Lũy kế 10 tháng*, đạt 28,7 tỷ USD, tăng 4,6% so với CK, duy trì vị trí thứ 3 cả nước (sau TPHCM và Hà Nội).

Cán cân thương mại hàng hóa: *Tháng 10*, do xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu, nên đã xuất siêu 0,52 tỷ USD, bằng 15,1% kim ngạch xuất khẩu. *Lũy kế 10 tháng*, xuất siêu 4,4 tỷ USD, bằng 13,2% kim ngạch xuất khẩu.

## 6. Giao thông vận tải

*Tháng 11*, sản lượng và doanh thu cả 3 ngành vận tải đều có chỉ số tăng lên ở cả 2 góc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước. Tương tự, *lũy kế 11 tháng*, sản lượng và doanh thu vận tải cả 3 ngành vận tải đều tăng lên, trong đó doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải tăng nhiều nhất 63,6%, tiếp đến là doanh thu vận tải hành khách tăng cao 15,5%, riêng vận tải hàng hóa tăng thấp 2,8%.

### 6.1. Sản lượng vận tải

#### 6.1.1. Vận tải hành khách

*Tháng 11*, khối lượng vận chuyển hành khách ước đạt 1.853 nghìn lượt khách, tăng ở cả 2 góc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+4,4%), (+2,8%); tương ứng, khối lượng luân chuyển hành khách ước đạt 66,1 triệu lượt khách.km (+2,4%), (+1,2%). Xét theo ngành vận tải:

- Vận tải hành khách đường bộ, khối lượng vận chuyển ước đạt 1.843,7 nghìn lượt khách (+4,4%), (+2,8%); khối lượng luân chuyển tương ứng ước đạt 66,1 triệu lượt khách.km (+2,4%), (+1,2%).

- Vận tải hành khách đường thủy, khối lượng vận chuyển ước đạt 9,3 nghìn lượt khách (+3,7%), (+0,8%); khối lượng luân chuyển tương ứng ước đạt 0,01 triệu lượt khách.km (+3,6%), (+0,3%).

*Tính chung 11 tháng*, sản lượng vận tải hành khách đường bộ và đường thủy đều tăng so với CK, cụ thể theo biểu sau:

**Biểu 08. Vận tải hành khách 11 tháng năm 2024  
phân theo ngành vận tải**

	Số lượt hành khách		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (Nghìn HK)	Luân chuyển (Triệu HK.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
<b>Tổng số</b>	<b>20.020,7</b>	<b>740,3</b>	<b>+9,4</b>	<b>+11,1</b>
Đường bộ	19.916,2	740,2	+9,4	+11,1
Đường thủy	104,5	0,1	+2,2	+1,6

#### 6.1.2. Vận tải hàng hoá

*Tháng 11*, khối lượng vận chuyển hàng hóa ước đạt 4,2 triệu tấn, tăng ở cả 2 gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+2,9%), (+4,3%); khối lượng luân chuyển tương ứng ước đạt 225,6 triệu tấn.km (+5,7%), (+3,8%). Xét theo ngành vận tải:

- Vận tải hàng hóa đường bộ, khối lượng vận chuyển ước đạt 3,1 triệu tấn (+0,6%), (+4,2%); khối lượng luân chuyển ước đạt 84,3 triệu tấn.km (+0,2%), (+5,8%).

- Vận tải hàng hóa đường thủy, khối lượng vận chuyển ước đạt 1,1 triệu tấn (+9,8%), (+4,7%); khối lượng luân chuyển tương ứng ước đạt 141,3 triệu tấn.km (+9,3%), (+2,6%).

*Tính chung 11 tháng*, sản lượng vận tải hàng hóa tăng so với CK, trong đó đường bộ tăng lên nhưng đường thủy vẫn giảm, cụ thể theo biểu sau:

**Biểu 09. Vận tải hàng hóa 11 tháng năm 2024  
phân theo ngành vận tải**

	Sản lượng hàng hóa		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (Triệu tấn)	Luân chuyển (Triệu tấn.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
<b>Tổng số</b>	<b>43,8</b>	<b>2.291,9</b>	<b>+2,6</b>	<b>+0,9</b>
Đường bộ	32,5	906,6	+5,9	+8,0
Đường thủy	11,3	1.385,3	-5,8	-3,3

## 6.2. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Tháng 11, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 1.265,9 tỷ đồng, tăng ở cả 2 góc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+1,6%), (+40,5%). Cụ thể tình hình như sau:

- Xét theo ngành vận tải: doanh thu vận tải hành khách ước đạt 97,5 tỷ đồng, tăng ở cả 2 góc so sánh lần lượt là (+3,4%), (+6,2%); doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 376,4 tỷ đồng (+2,9%), (+5%); doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 792 tỷ đồng (+0,9%), (+75,7%).

- Xét theo loại hình kinh tế: doanh nghiệp Nhà nước ước đạt 22,6 tỷ đồng, tăng ở cả 2 góc so sánh lần lượt là (+1%), (+6,8%); doanh nghiệp ngoài Nhà nước ước đạt 534,4 tỷ đồng (+2,7%), (+10,2%); doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 708,9 tỷ đồng (+0,9%), (+79,5%).

Tính chung 11 tháng, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 12.136,5 tỷ đồng, tăng cao 33,5% so với CK.

- Xét theo ngành vận tải: doanh thu vận tải hành khách ước đạt 1.062 tỷ đồng, tăng 15,5%; doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 3.881,7 tỷ đồng, tăng 2,8% và doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 7.192,8 tỷ đồng, tăng cao 63,6%.

- Xét theo loại hình kinh tế: doanh nghiệp Nhà nước ước đạt 223,6 tỷ đồng tăng 3,4%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước ước đạt 5.494,3 tỷ đồng, tăng 9,1% và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 6.418,6 tỷ đồng, tăng cao 67,1%.

## 7. Thu, chi ngân sách Nhà nước (NSNN)<sup>5</sup>

Tháng 11, Thu NSNN tăng cao so với cùng tháng năm trước, đáng chú ý là tăng đột biến khoản thu tiền sử dụng đất. Lũy kế 11 tháng, tổng thu NSNN duy trì mức tăng cao 14,1% và kế hoạch dự toán năm 2024 cũng đạt cao 97,6%, như vậy chắc chắn thu NSNN sẽ vượt kế hoạch đề ra. Cũng trong tháng 11, chi NSNN địa phương giảm so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 11 tháng, chi NSNN địa phương vẫn duy trì mức tăng thấp hơn thu NSNN với mức tăng 6,9%, cùng với đó kế hoạch dự toán năm 2024 đạt thấp 63,6%, đặc biệt là mục chi đầu



<sup>5</sup> Nguồn: Sở Tài chính

tư phát triển vẫn giảm 8%, điều này làm ảnh hưởng đến tăng trưởng vốn đầu tư công, nguồn vốn môi cho nền kinh tế, đồng thời tác động trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

**Hình 12. Thu, chi ngân sách nhà nước 11 tháng năm 2024**



*Nguồn: Sở Tài chính*

### 7.1. Thu ngân sách Nhà nước

Tháng 11, tổng thu NSNN ước đạt 2.276 tỷ đồng, so với tháng trước giảm nhiều 38%, tuy nhiên, so với cùng kỳ năm trước lại tăng cao 17,9%, trong đó: Thu nội địa ước đạt 1.626 tỷ đồng, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (-45%), (+23%); thu từ hải quan ước đạt 650 tỷ đồng (-8,9%), (+6,8%). Tổng thu ngân sách địa phương ước đạt 1.369 tỷ đồng (-35,1%), (+41,9%).

Tính chung 11 tháng, tổng thu NSNN ước đạt 30.478 tỷ đồng, bằng 97,6% dự toán năm và tăng 14,1% so với CK, trong đó: Thu nội địa ước đạt 22.677 tỷ đồng, bằng 93,5% dự toán năm và tăng 4% so với CK. Trong thu nội địa, hầu hết các khoản thu đều tăng so với CK, một số khoản thu có tỷ lệ thực hiện dự toán và tốc độ tăng cao là: Thu phí, lệ phí, bằng 130,6% và (+26,4%); Thu thuế ngoài nhà nước, bằng 112% và (+20,1%); Thu thuế thu nhập cá nhân, bằng 111,4% và (+16,4%); Thu lệ phí trước bạ, bằng 109,6% và (+25,6%); chỉ có 02 khoản thu giảm so với CK đó là: Thu từ DN có vốn ĐTTTNN, bằng 100% và (-1,3%) và Thu thuế bảo vệ môi trường, bằng 82,1% và (-2,6%). Tổng thu ngân sách địa phương ước đạt 16.497 tỷ đồng, bằng 90,1% và (+12,9%).

### 7.2. Chi ngân sách nhà nước địa phương

Tháng 11, tổng chi NSNN địa phương ước đạt 1.257 tỷ đồng, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+13,7%), (-7,3%), trong đó: Chi đầu tư phát triển ước đạt 300 tỷ đồng (-33,4%), (-50,7%); chi thường xuyên ước đạt 957 tỷ đồng (+46,7%), (+28,2%). Trong chi thường xuyên, đa số các khoản chi đều có mức tăng so với cùng tháng năm trước, một số khoản chi có mức tăng cao ở cả 2 gốc so sánh là: Chi phát thanh, TH, thông

tân (+196,2%), (+275,6%); Chi văn hóa thông tin (+91,3%), (+81%); Chi an ninh (+127,3%), (+66,1%); Chi đảm bảo xã hội (+51,6%), (+75,8%).

*Tính chung 11 tháng, tổng chi NSNN địa phương ước đạt 13.417 tỷ đồng, bằng 63,6% dự toán năm và tăng 6,9% so với CK, trong đó: Chi đầu tư phát triển ước đạt 5.250 tỷ đồng, bằng 69,7% và (-8%); Chi thường xuyên ước đạt 8.157 tỷ đồng, bằng 73,5% và (+19,3%). Các nhiệm vụ chi trong tháng vẫn được thực hiện theo dự toán, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, quản lý nhà nước và an sinh xã hội. Trong chi thường xuyên hầu hết các khoản chi có mức tăng so với CK, một số khoản chi có mức tăng cao như: Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, bằng 78,5% và (+29,2%); Chi QL nhà nước, đảng, đoàn thể, bằng 95,7% và (+21,5%); Chi đảm bảo xã hội, bằng 110% và (+16,5%); Chi phát thanh, TH, thông tấn, bằng 102,6% và (+15,6%). Ở chiều ngược lại, chỉ có duy nhất 01 khoản chi có mức giảm so với CK là Chi thường xuyên khác, bằng 39,2% và (-27,7%).*

### **8. Ngân hàng - Tín dụng<sup>6</sup>**

*Tháng 11, tổng dư nợ tín dụng ước tính đạt 21,7% đã vượt mục tiêu kế hoạch đề ra của Chính phủ (mục tiêu năm 2024 của Chính phủ tăng 15%). Tuy nhiên, tổng nguồn vốn huy động ước tính đến cuối tháng 11 lại giảm 1,0% so với cùng thời điểm năm trước và giảm 2,7% so với thời điểm cuối năm 2023, nguyên nhân do lãi suất tiền gửi thấp người dân chuyển tiền sang các kênh đầu tư có lợi nhuận cao hơn. Nợ xấu và tỷ lệ nợ giữ ổn định và tương đương với CK.*

Trong tháng, các chi nhánh ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm thu hút nguồn vốn nhân rồi của người dân với nhiều hình thức đa dạng, phong phú; tuy nhiên với xu hướng giảm lãi suất của các ngân hàng từ những tháng đầu năm khiến nguồn vốn huy động trên địa bàn qua các tháng liên bị giảm xuống, đến nay nguồn vốn huy động có sự tăng trưởng trở lại. *Ước tính đến cuối tháng 11, tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn đạt 225.000 tỷ đồng, tăng 3% so với cùng thời điểm tháng trước nhưng giảm 1% so với cùng thời điểm năm trước và giảm 2,7% so với thời điểm cuối năm 2023, trong đó: Tiền gửi cá nhân ước đạt 140.100 tỷ đồng, so với các góc so sánh cùng thời điểm tháng trước, năm trước và cuối năm 2023 lần lượt là (+1,5%), (+14,9%) và (+12,4%); Tiền gửi của các tổ chức ước đạt 80.450 tỷ đồng (+5,8%), (-18,7%), (-19,7%); Nguồn vốn huy động khác ước đạt 2.600 tỷ*

<sup>6</sup> Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh

đồng (+3,8%), (-39,1%), (-40,4%); Phát hành giấy tờ có giá ước đạt 1.850 tỷ đồng (+0,9%), (-14,4%), (-9,9%).

Cũng trong tháng 11, trên cơ sở định hướng mức tăng trưởng tín dụng toàn ngành ngân hàng khoảng 15%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế, Ngân hàng nhà nước tỉnh đã chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn quyết liệt thực hiện các giải pháp để tăng trưởng tín dụng, tăng khả năng tiếp cận tín dụng,...nhằm góp phần nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng, hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động tín. *Tính đến cuối tháng 11*, tổng dư nợ cho vay trên địa bàn tỉnh ước đạt 192.000 tỷ đồng, tăng 0,6% so với cùng thời điểm tháng trước, tăng cao 21,7% so với cùng thời điểm năm trước và tăng 17,3% so với thời điểm cuối năm 2023, trong đó: Dư nợ cho vay ngắn hạn ước đạt 143.000 tỷ đồng (+0,5%), (+25,8%), (+21,2%); Dư nợ cho vay trung và dài hạn ước đạt 49.000 tỷ đồng (+1,2%), (+11,2%), (+7,1%).

Với mức chênh lệch giữa nguồn vốn huy động và dư nợ cho vay khoảng trên 30.000 tỷ đồng đảm bảo khả năng đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng của doanh nghiệp, người dân trên địa bàn. Kết quả trên cho thấy sự quyết tâm, nỗ lực rất lớn của các Chi nhánh ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn, góp phần hỗ trợ tích cực vốn tín dụng cho doanh nghiệp và người dân vay vốn khắc phục khó khăn, tiếp tục sản xuất kinh doanh và phát triển mở rộng sản xuất.

Về chất lượng tín dụng: Các chi nhánh ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn tiếp tục tập trung thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của ngân hàng Nhà nước Việt Nam và của Hội sở chính trong triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm xử lý, thu hồi, cũng như ngăn ngừa rủi ro nợ xấu. *Ước tính đến hết 30/11/2024*, nợ xấu trên địa bàn là 2.300 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,20% tổng dư nợ cho vay.

## **9. Một số vấn đề xã hội**

### **9.1. Lao động, giải quyết việc làm, an sinh xã hội<sup>7</sup>**

*Lao động và giải quyết việc làm:* Hiện nay, việc quan tâm, hỗ trợ, tạo việc làm, tháo gỡ khó khăn cho người lao động mất việc, giãn việc đang là vấn đề được quan tâm, nhất là khi Tết Nguyên đán đã cận kề. Hơn lúc nào hết, cần có các chính sách hỗ trợ kịp thời để vừa nuôi dưỡng nguồn lực lao động song cũng là phát triển doanh nghiệp. Ngoài ra, cũng cần có chiến lược lâu dài để duy trì việc làm ổn định cho người lao động, do đó các ngành chức năng tập trung triển khai Đề án đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội, trong đó tổ chức thành công Hội nghị thúc đẩy, triển khai, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với

<sup>7</sup> Nguồn số liệu báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

các dự án Nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh nhằm đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, đặc biệt là nhà ở công nhân tại các khu công nghiệp. Chỉ đạo đẩy mạnh triển khai Chương trình tín dụng 120.000 tỷ đồng phát triển nhà ở xã hội theo Nghị quyết 22/NQ-CP ngày 11/3/2023 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh. Thành lập Ban Chỉ đạo quản lý và phát triển Nhà ở xã hội tỉnh Bắc Ninh theo Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh.

*Công tác an sinh, phúc lợi xã hội*, an sinh xã hội trên địa bàn được đẩy mạnh, đời sống người dân được đảm bảo. Báo cáo HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đối với người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và các hộ khác có mức sống trung bình, người cao tuổi cô đơn. Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, huy động nguồn lực xã hội chăm lo đời sống người có công với cách mạng được đẩy mạnh, đời sống người có công và thân nhân người có công tiếp tục được nâng cao.

## **9.2. Hoạt động y tế, phòng, chống dịch bệnh<sup>8</sup>, ngộ độc thực phẩm**

*Trong tháng*, ngành y tế tiếp tục chỉ đạo các cơ sở y tế tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh mùa Thu - Đông; triển khai quyết liệt các biện pháp phòng, chống sốt xuất huyết; kiểm soát hiệu quả và hạn chế tối đa sự lây lan của dịch bệnh truyền nhiễm. Đảm bảo công tác y tế, phòng chống dịch bệnh tại các hoạt động kỷ niệm 15 năm Dân ca Quan họ Bắc Ninh được UNESCO ghi danh là di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.

Công tác giám sát các bệnh truyền nhiễm gây dịch: *Trong tháng*, ghi nhận 06 trường hợp mắc Covid-19, lũy kế từ đầu năm đến nay là 416 trường hợp; 46 trường hợp sốt xuất huyết Dengue, lũy tích năm là 143 trường hợp; 139 trường hợp mắc cúm (cúm mùa - hội chứng cúm), lũy kế từ đầu năm đến nay là 2.066 trường hợp; 26 trường hợp mắc tay chân miệng, lũy tích năm 2024 là 384 trường hợp; 02 trường hợp mắc sốt phát ban nghi Sởi/Rubella, lũy kế từ đầu năm đến nay là 35 trường hợp.

Công tác tiêm chủng mở rộng: Tổng số trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ trong kỳ là 1.702 trẻ, lũy tích năm 2024 là 16.677 trẻ; số phụ nữ mang thai được tiêm đủ mũi uốn ván là 1.769 người, lũy tích năm 2024 là 15.500 người.

Công tác phòng chống HIV/AIDS: *Trong tháng*, đã thực hiện tư vấn xét nghiệm HIV cho 4.565 người, trong đó số phụ nữ mang thai được tư vấn, xét nghiệm sàng lọc HIV là 2.104 người. *Cũng trong tháng*, phát hiện 05 trường hợp

<sup>8</sup> Nguồn: Sở Y tế



HIV dương tính mới (tại huyện Yên Phong 02, huyện Gia Bình 01, thị xã Quế Võ 01, thành phố Từ Sơn 01) và 01 trường hợp tử vong tại Tiên Du. Tổng số người nhiễm HIV/AIDS hiện quản lý được trên địa bàn tỉnh là 945 người; Số người nhiễm HIV có thể bảo hiểm y tế là 891 người (94,3%); Số mắc AIDS là 46 người, số được quản lý là 15 người. Tình hình điều trị Methadone: *Trong tháng*, có 590 bệnh nhân đang điều trị, trong đó: 06 bệnh nhân mới, 38 bệnh nhân chuyển đến, 32 bệnh nhân chuyển đi, 10 bệnh nhân bỏ trị. Tình hình điều trị ARV: Có 946 bệnh nhân đang điều trị, trong đó số trẻ em <15 tuổi là 09 bệnh nhân.

Công tác dân số - KHHGD, bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em: *Lũy kế đến hết tháng 10*, tổng số trẻ sinh ra là 13.589 trẻ, trong đó có 7.563 trẻ sinh ra là nam, 6.026 trẻ sinh ra là nữ; 3.752 trẻ sinh là con thứ 3 trở lên. Tỷ số giới tính khi sinh 125,5 trẻ trai/100 trẻ gái (mất cân bằng về giới khá cao). Tỷ lệ sàng lọc trước sinh là 91,5%; tỷ lệ sàng lọc sơ sinh là 88,8% (theo số liệu thống kê tại cộng đồng). Tỷ lệ cặp vợ chồng sử dụng BPTT hiện đại là 69,6%. Tỷ lệ phụ nữ đẻ được quản lý thai: 100%; Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai  $\geq 4$  lần/3 kỳ đạt 95%; Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà trong tuần đầu sau sinh đạt 73,8%. Tỷ lệ trẻ sơ sinh có cân nặng dưới 2.500 gram: 4,95%.

Tình hình hoạt động khám chữa bệnh y tế công lập như sau: Tổng số lượt khám bệnh, chữa bệnh: 191.096 lượt, trong đó số lượt khám chữa bệnh tại Trạm Y tế 38.099 lượt; Điều trị nội trú 20.400 lượt; Tổng số ca phẫu thuật: 3.072 ca, trong đó phẫu thuật có chuẩn bị: 1.667 ca. Tổng số chuyển tuyến 4.501 ca, trong đó chuyển tuyến nội trú 589 ca, chuyển tuyến ngoại trú 3.912 ca.

- *Công tác an toàn thực phẩm*<sup>9</sup>: *Trong tháng*, trên địa bàn toàn tỉnh không xảy ra ngộ độc thực phẩm. Ngành chức năng đã tăng cường kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh, cụ thể, ngành chức năng đã tiến hành kiểm tra: 135 cơ sở SXKD thực phẩm, 100% đạt cơ sở đạt yêu cầu.

### **9.3. Giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ**

#### **9.3.1. Giáo dục và đào tạo<sup>10</sup>**

Trong tháng, ngành giáo dục tiếp tục triển khai kế hoạch năm học. Đến nay, cơ bản tất cả các trường phổ thông đã hoàn thành việc kiểm tra, đánh giá kiến thức học sinh thời điểm giữa học kỳ 1 của năm học. Do công tác chuẩn bị các điều kiện cho kiểm tra giữa học kỳ 1 được thực hiện tốt nên kỳ thi diễn ra đảm bảo an toàn, nghiêm túc, đạt kết quả tốt. Đồng thời tích cực tuyên truyền và tổ chức tốt các hoạt động thi đua lập thành tích chào mừng ngày Nhà giáo

<sup>9</sup> Nguồn: Ban quản lý an toàn thực phẩm tỉnh

Việt Nam; Tiếp tục phối hợp tổ chức tuyên dương, trao thưởng Quỹ Khuyến học, khuyến tài Phạm Văn Trà năm 2024 theo kế hoạch của UBND tỉnh.

### *9.3.2. Hoạt động khoa học và công nghệ<sup>11</sup> (KH&CN)*

Trong tháng, Sở KH&CN đã tham mưu, trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả tuyển chọn thực hiện 03 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đợt 4 năm 2024; tiếp tục triển khai quy trình tuyển chọn, giao trực tiếp các nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2024; thực hiện đôn đốc, kiểm tra, theo dõi các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức Hội đồng Tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn đánh giá đề xuất nhiệm vụ, đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN năm 2025. Triển khai có hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, trong tháng đã thẩm định và cấp 03 giấy phép tiến hành công việc bức xạ, 04 chứng chỉ nhân viên bức xạ, 01 giấy xác nhận khai báo thiết bị bức xạ; thẩm định, xác định công nghệ của dự án đầu tư đối với 01 doanh nghiệp; tiếp nhận và giải quyết 90 hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu, tiếp nhận 08 hồ sơ công bố hợp chuẩn; đánh giá, tuyển chọn Doanh nghiệp tham dự Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2024; thực hiện kiểm nghiệm, thử nghiệm 12 mẫu sản phẩm hàng hóa...Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ được duy trì và cập nhật thường xuyên nhằm tuyên truyền, phổ biến các kiến thức về khoa học công nghệ, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ mới phục vụ sản xuất và đời sống, trong tháng đã đăng tải 130 tin, bài, chuyên mục với nhiều nội dung thông tin phong phú, tiếp tục đứng thứ 03/21 về kết quả đánh giá, chấm điểm mức độ cập nhật thông tin trên các Cổng TTĐT hàng tháng.

## ***9.4. Văn hoá thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình<sup>12</sup>***

### *9.4.1. Hoạt động văn hóa*

Trong tháng, ngành chức năng đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị thường xuyên và đột xuất, với nhiều hình thức: Tổ chức các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm Ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10), Ngày Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (9/11); tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

*Nhà hát Dân ca Quan họ Bắc Ninh*, Tiếp tục thực hiện ký âm các bài Quan họ cổ đã được nghệ nhân truyền dạy năm 2024. Tham gia, biểu diễn Liên hoan Ca, múa, nhạc toàn quốc năm 2024 tổ chức tại Bình Dương kết quả đạt được 01

<sup>10</sup> Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo;

<sup>11</sup> Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ;

<sup>12</sup> Nguồn: Sở Văn hóa thể thao và Du lịch.

HCV, 02 HCB. Đặc biệt, chương trình quảng bá Dân ca Quan họ Bắc Ninh tại đất nước Myanmar. Tổ chức thành công chương trình gặp mặt Kỷ niệm 15 năm Dân ca Quan họ được vinh danh và 55 năm thành lập Nhà hát Dân ca Quan họ Bắc Ninh. Tổ chức thành công chương trình gặp mặt nhân Kỷ niệm 15 năm Dân ca Quan họ được vinh danh và 55 năm thành lập Nhà hát Dân ca Quan họ.

*Trung tâm Văn hóa tỉnh*, Thực hiện tốt công tác tuyên truyền lưu động, trong tháng tuyên truyền được 35 buổi, trong đó: 01 buổi phục vụ nhiệm vụ chính trị, 34 buổi thực hiện tuyên truyền theo chuyên đề. Triển khai các nội dung tổ chức Liên hoan các làng Quan họ thực hành tiêu biểu tỉnh Bắc Ninh lần thứ I, năm 2024; Khai thác nguồn phim và tổ chức hoạt động chiếu phim: tuyên truyền về An toàn giao thông và Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em tại các trường Tiểu học, THCS, THPT, Trung tâm GDTX trên địa bàn toàn tỉnh. Trong tháng thực hiện được 43 buổi chiếu phim lưu động phục vụ các nhiệm vụ chính trị không doanh thu.

*Thư viện tỉnh*, tổ chức thành công cuộc nói chuyện chuyên đề “Giữ lửa yêu thương trong thời đại số” nhân kỷ niệm ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10 tại Trung tâm Văn hóa Kinh Bắc. Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch tổ chức Trưng bày tư liệu kỷ niệm 15 năm Dân ca Quan họ Bắc Ninh được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc năm 2024 do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức tại tỉnh Phú Thọ, tỉnh Bắc Ninh đạt 05 giải gồm: 02 giải Nhất, 01 giải Nhì, 01 giải chuyên đề và 01 giải tập thể. Thực hiện cấp đổi: 325 thẻ, tổng số thẻ đang phục vụ: 9.437 thẻ; phục vụ: 2.631 lượt bạn đọc; luân chuyển 11.125 lượt sách, báo, tạp chí các loại. Giới thiệu sách theo chủ đề trong chuyên mục “Mỗi tuần một cuốn sách”: 05 cuốn; cập nhật giới thiệu sách mới: 45 tên sách; đăng tải 03 video giới thiệu sách cuốn “Vùng văn hóa Quan họ Bắc Ninh” trong chuyên mục “Đọc sách cùng tôi” trên Website, fanpage Thư viện.

*Bảo tàng tỉnh*, đón tiếp, thuyết minh cho 1.396 lượt khách tham quan trưng bày chuyên đề “Dân ca quan họ Bắc Ninh trường tồn và lan tỏa” tại Bảo tàng. Tổ chức 05 cuộc triển lãm lưu động chuyên đề “Anh hùng LLVTND - Bông sen thép Hoàng Đăng Miện” tại các trường học trên địa bàn huyện: Gia Bình, Lương Tài, Thuận Thành, Quế Võ và Tiên Du; thuyết minh cho 4.334 lượt học sinh đến tham quan triển lãm... Trong tháng sưu tầm được 05 hiện vật 03 do các cá nhân hiến tặng phục vụ công tác trưng bày chuyên đề của bảo tàng; nhập thông tin 40 hồ sơ hiện vật vào phần mềm quản lý hiện vật của Cục Di sản văn hóa.

*Công tác bảo tồn di tích và xúc tiến du lịch*, tiếp tục hoàn thiện công tác khảo sát và lập phiếu kiểm kê di tích. Lập hồ sơ nâng cấp di tích Quốc gia đặc biệt và hồ sơ di tích xếp hạng Quốc gia...Thăm tra phương án tu bổ, tôn tạo các di tích; trong tháng, đón tiếp, thuyết minh khoảng 3.700 lượt khách; phối hợp tổ chức thành công Liên hoan Bánh 3 Miền tại Công ty TNHH Kỹ thương Đông Đô, Lâm Thao, Lương Tài từ ngày 11- 13/10/2024;...

#### 9.4.2. *Thể dục thể thao*

*Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh*, thành lập các đội tuyển tham gia thi đấu các giải quốc gia, quốc tế: Môn Kickboxing, môn Vật, môn Judo<sup>8</sup>, môn Wushu<sup>9</sup>, môn Pencaksilat, môn Karate, môn Đấu kiếm, môn Cầu lông và môn Đua thuyền. Các vận động viên tham gia thi đấu giành được 44 huy chương các loại, trong đó: 12 HCV, 12 HCB và 20 HCD.

*Trung tâm Đào tạo Bóng chuyền tỉnh*, duy trì tốt nề nếp sinh hoạt và tập luyện của vận động viên. Đảm bảo các điều kiện tập luyện thường xuyên của Đội bóng; duy trì công tác đào tạo, huấn luyện, quản lý vận động viên thường xuyên theo kế hoạch đã được phê duyệt. Phối hợp với nhà tài trợ thực hiện các chế độ chính sách cho HLV, vận động viên. Đội tuyển Tỉnh tham gia thi đấu VCK giải Bóng chuyền Hạng A Quốc gia tại tỉnh Trà Vinh, kết quả đạt Huy chương bạc.

#### 9.4.3. *Phát thanh truyền hình*

- Phát thanh: Sản xuất và phát sóng 90 chương trình thời sự tổng hợp; 377 chương trình chuyên đề, chuyên mục; 145 chương trình văn nghệ, ca nhạc. Phát sóng 495 giờ, chất lượng tốt.

- Truyền hình: Sản xuất và phát sóng 180 chương trình thời sự tổng hợp; 90 chương trình tạp chí, chuyên mục, chuyên đề; 77 chương trình văn nghệ; 75 chương trình thể thao; 30 chương trình dành cho thiếu nhi. Phát sóng 720 giờ, chất lượng tốt.

- Thông tin điện tử: Upload 60 chương trình truyền hình, 30 chương trình phát thanh, 30 các chương trình sân chơi, tạp chí, chuyên mục. Tổng số lượt người truy cập trong tháng 44.500 lượt.

### 9.5. *An ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông*

#### 9.5.1. *Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội*

*Công tác quân sự*<sup>13</sup>: Các đơn vị quân đội, duy trì nghiêm chế độ trực SSCĐ, trực phòng không, xây dựng nền nếp chính quy, rèn luyện kỷ luật, canh

<sup>13</sup> Nguồn: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Ninh

gác bảo đảm an toàn. Chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ huyện Tiên Du hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với các nhà trường tổ chức GDQP&AN cho học sinh, sinh viên đúng chương trình quy định...Các địa phương tổ chức khám tuyển công dân SSNN năm 2025 đúng hướng dẫn. Bảo đảm tốt công tác Hậu cần, Kỹ thuật cho các nhiệm vụ; bảo đảm đầy đủ xăng dầu vận tải theo kế hoạch. Cơ quan, đơn vị bảo đảm an toàn VKTB, kho tàng và an toàn giao thông.

*Công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội*<sup>14</sup>: Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tiếp tục ổn định. Lực lượng Công an tỉnh đã chủ động nắm chắc tình hình, tham mưu cấp ủy, chính quyền chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở. Cụ thể tình hình như sau:

(1) Về tội phạm trật tự xã hội

- Tháng 11, xảy ra 83 vụ phạm tội về TTXH (so với tháng trước giảm 20 vụ, tức giảm 19,4%). Trong đó:

+ Phạm pháp hình sự: Xảy ra 76 vụ (giảm 15 vụ, tức giảm 16,5%);

+ Cờ bạc: Phát hiện, bắt giữ 06 vụ, 27 đối tượng (giảm 03 vụ, tức giảm 33,3%), lập hồ sơ khởi tố 06 vụ, 24 đối tượng.

+ Mại dâm: Phát hiện 01 vụ, 07 đối tượng (giảm 02 vụ, tức giảm 66,7%), khởi tố 01 vụ, 01 đối tượng.

+ Điều tra làm rõ 71/83 vụ phạm tội về TTXH, 197 đối tượng, đạt tỷ lệ điều tra 85,5%.

- *Tính chung 11 tháng*: Xảy ra 877 vụ phạm tội về trật tự xã hội, trong đó:

+ Phạm pháp hình sự xảy ra 725 vụ (so với CK giảm 42 vụ, tức giảm 5,5%);

+ Cờ bạc bắt giữ 125 vụ, 640 đối tượng cờ bạc;

+ Mại dâm bắt 27 vụ, 207 đối.

(2) Tội phạm về kinh tế tham nhũng, buôn lậu

- Tháng 11: Phát hiện, xử lý mới 10 vụ việc, 18 đối tượng về tham nhũng, kinh tế (so với tháng trước giảm 24 vụ, 18 đối tượng); lập hồ sơ khởi tố 02 vụ, 10 bị can (01 vụ, 02 bị can về tham nhũng); xử lý hành chính 08 vụ, 08 đối tượng, số tiền phạt 112 triệu đồng.

- *Tính chung 11 tháng*: Phát hiện, xử lý 335 vụ việc, 434 đối tượng về tham nhũng, kinh tế, so với CK tăng 09 vụ. Khởi tố 102 vụ, 198 bị can; tăng 34 vụ; còn lại XLHC, số tiền phạt 3,8 tỷ đồng. Ngoài ra, khởi tố bổ sung 01 vụ án, khởi

<sup>14</sup> Nguồn: Công an tỉnh Bắc Ninh

tổ 05 bị can về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng (vụ án khởi tố từ năm 2023).

(3) Tội phạm về ma túy

- *Tháng 11*: Phát hiện, bắt giữ 16 vụ, 39 đối tượng mua bán, vận chuyển, tàng trữ, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (so với tháng trước giảm 11 vụ, 13 đối tượng); thu giữ 30,25g heroin, 87,74g MTTH, 303,39g cần sa. Lập hồ sơ khởi tố 16 vụ, 30 đối tượng; xử lý hành chính 09 đối tượng. Toàn tỉnh hiện có 630 người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý, so với tháng trước giảm 01 người.

- *Tính chung 11 tháng*: Phát hiện, bắt giữ 761 vụ, 1.296 đối tượng về ma túy (so với CK tăng 57 vụ, 212 đối tượng); thu giữ 5,62kg heroin, 23,33kg MTTH và 408,6g ma túy khác. Lập hồ sơ khởi tố 723 vụ, 1.112 bị can (trong đó có 394 vụ tàng trữ, chiếm tỷ lệ 54,5%); còn lại lập hồ sơ XLHC. Rà soát, lập hồ sơ quản lý 100% người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy; đưa 171 người nghiện đi cai nghiện bắt buộc.

*9.5.2. Tình hình an toàn giao thông:*

- *Tháng 11*, xảy ra 42 vụ, làm chết 17 người, 26 người bị thương (so với tháng trước giảm cả 3 tiêu chí đó là: giảm 05 vụ, giảm 02 người chết, giảm 05 người bị thương). Xử phạt 6.534 trường hợp, số tiền phạt trên 15,1 tỷ đồng, tước giấy phép lái xe 1.605 trường hợp.

- *Tính chung 11 tháng*, xảy ra 368 vụ, làm chết 170 người, bị thương 227 người (so với CK: giảm 91 vụ, tức giảm 19,8%; giảm 42 người chết, tức giảm 19,8%; giảm 87 người bị thương, tức giảm 27,7%). Xử phạt 56.068 trường hợp, với số tiền trên 152 tỷ đồng.

**9.6. Phòng chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường<sup>15</sup>**

*9.6.1. Công tác phòng cháy, chữa cháy (PCCC) và cứu nạn, cứu hộ (CNCH):*

- *Tháng 11*, xảy ra 09 vụ cháy (so với tháng trước tăng 06 vụ, tức tăng gấp 3 lần); không xảy ra nổ. Kiểm tra, xử lý 254 lượt cơ sở, kiến nghị khắc phục 393 tồn tại, thiếu sót về PCCC, xử phạt 29 cơ sở, số tiền trên 1,1 tỷ đồng.

- *Tính chung 11 tháng*, xảy ra 60 vụ cháy (so với CK, tăng 29 vụ, chủ yếu là cháy nhỏ); làm 01 người chết (giảm 01 người); 03 người bị thương (tăng 01 người) thiệt hại về tài sản khoảng 7,2 tỷ đồng (giảm 272,2 tỷ đồng, tức giảm 97%). Xảy ra 01 vụ nổ (tăng 01 vụ). Kiểm tra xử phạt vi phạm hành chính đối với 222 cơ sở, tổng số tiền phạt trên 7,6 tỷ đồng; đình chỉ hoạt động 17 cơ sở, tạm đình chỉ hoạt động 32 cơ sở.

<sup>15</sup> Nguồn: Công an tỉnh Bắc Ninh

### 9.6.2. Công tác bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm:

- Tháng 11, phát hiện 07 vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm (so với tháng trước, giảm 21 vụ, tức giảm 75%). Làm rõ, xử phạt hành chính 07 vụ, 07 đối tượng, số tiền phạt 64,75 triệu đồng; đang xác minh làm rõ 01 vụ. Ngoài ra, đã làm rõ 08 vụ từ các tháng trước; xử phạt vi phạm hành chính 08 đối tượng, số tiền 253 triệu đồng. Công an tỉnh chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu triển khai Kế hoạch và Quyết định của UBND tỉnh về kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về môi trường, PCCC và CNCH, quy hoạch, xây dựng đối với CCN và các cơ sở trong CCN làng nghề Mẫn Xá, xã Văn Môn, huyện Yên Phong.

- *Tính chung 11 tháng*: Kiểm tra, phát hiện 351 vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm (so với CK giảm 41 vụ); Khởi tố 04 vụ, 06 bị can; còn lại lập hồ sơ xử lý hành chính số tiền phạt 7,1 tỷ đồng.

**Khái quát lại:** Trong tháng 11, kinh tế của tỉnh có sự chuyển biến khá rõ nét theo chiều hướng tích cực, đó là một số chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn đều tăng lên như: Chỉ số IIP tháng 11 tăng ở cả 2 gốc so sánh (tăng 5,64% so với tháng trước và tăng 13,01% so với cùng tháng năm trước); Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng cao (tăng 4,7% so với tháng trước và tăng 25,5% so với cùng tháng năm trước; Thu ngân sách tăng 17,9% so với cùng tháng năm trước. Tuy nhiên, trong tháng 11 cũng vẫn còn có những chỉ tiêu còn thiếu tích cực như: Chỉ số lao động giảm xuống (giảm 0,11% so với tháng trước và giảm nhiều 10,44% so với cùng tháng năm trước); đăng ký doanh nghiệp giảm cả 3 tiêu chí, số doanh nghiệp đăng ký mới giảm 17,2% so với cùng tháng năm trước, giảm 53,2% tổng vốn đăng ký và giảm 42,4% vốn đăng ký bình quân 1 doanh nghiệp thành lập mới; Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý, giảm nhiều 16,6% so với cùng tháng năm trước; Ngân hàng, tổng nguồn vốn huy động, giảm 1% so với cùng tháng năm trước. Đây là những nhân tố làm ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Trong tháng tiếp theo, kinh tế thế giới vẫn trong thời điểm có nhiều bất định như: Địa chính trị thế giới ghi nhận nhiều sự kiện xung đột gay gắt ở các khu vực như: Nga-Ukraina, Israel-Hamas, Israel-Iran, ông Donald Trump-ứng cử viên Đảng Cộng hòa, dành chiến thắng trong cuộc bỏ phiếu trở thành Tổng thống Mỹ, dự kiến sẽ kéo theo các chính sách mạnh về thuế quan trong thương mại quốc tế. Các yếu tố này đang gia tăng tính chất bất định về kinh tế chính trị của thế giới.

Như vậy, những vấn đề nêu trên sẽ là những khó khăn làm ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Chỉ còn 01 tháng nữa là kết thúc năm 2024, đây chính là thời điểm nước rút để nỗ lực thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà tỉnh đã đề ra. Do đó, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, địa phương trong tỉnh phát huy những kết quả đã đạt được, tiếp tục có giải pháp quyết liệt hơn nữa, tháo gỡ những khó khăn, điểm nghẽn, nhất là trong công tác giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, cần nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc quyết định chủ trương, quyết định đầu tư dự án...Áp dụng những giải pháp đủ mạnh, đảm bảo tính khả thi, hoàn thành đến mức cao nhất các mục tiêu nhiệm vụ năm 2024./.

***Nơi nhận:***

- Vụ TKTH - TCTK (báo cáo);
- Thường trực TU, HĐND, UBND tỉnh (báo cáo);
- VP tỉnh uỷ, VP HĐND, VP UBND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, Tài chính;
- NHNN tỉnh;
- Phòng ANKT (CA tỉnh);
- Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- LĐ Cục, các phòng thuộc CQ Cục;
- CCTK các H,TX,TP;
- Lưu: TKTH,VT.

**Q. CỤC TRƯỞNG**

**Khổng Văn Thắng**